TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HÒA** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/DS-ST
Ngày: 28/3/2024
"V/v tranh chấp
hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Hồ Văn Hào.

2. Bà Vũ Thị Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ dân sự thụ lý số 50/2023/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 và thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện số 50a/2023/TB-TLBS ngày 06/12/2023, về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số C, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Trọng S - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Q – Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty CP V.

Địa chỉ: Số C, đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An (có mặt).

(Theo Giấy uỷ quyền số 18/UQ.CT lập ngày 10/11/2023 thay thế Giấy uỷ quyền số 124/GUQ.CT lập ngày 20/5/2023).

2. Bị đơn: Anh Bùi Hoàng H, sinh năm 1987.

Chị Hoàng Thị H1, sinh năm 1990.

Đều cư trú tại: Xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề tháng 5/2023 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 02/11/2023 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/01/2016, anh H, chị H1 mua xi măng của Công ty cổ phần V theo Hợp đồng số 349/HĐMB-2016. Tuy nhiên anh H, chị H1 chưa thanh toán hết số

tiền còn nợ theo hợp đồng mà còn nợ của Công ty số tiền 171.172.000 đồng (một trăm bảy mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Do đó hai bên đã thống nhất chuyển toàn bộ khoản nợ trên sang hợp đồng mua bán số 310/HĐMB-2017 ngày 01/01/2017. Quá trình thực hiện hợp đồng năm 2017, anh H, chị H1 không mua xi măng của Công ty nữa và đã trả một phần nợ từ hợp đồng năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 49.114.000 đồng. Còn lại số tiền 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng), hạn cuối cùng anh H, chị H1 phải thanh toán hết là ngày 31/12/2017. Tuy nhiên hết thời hạn trên anh H, chị H2 đã không thanh toán cho Công ty. Mặc dù công ty đã nhiều lần làm việc trực tiếp với anh H, chị H1 và chị H1 đã nhiều lần cam kết trả số nợ trên cho Công ty nhưng anh H, chị H1 đều không thanh toán như đã cam kết. Nay Công ty cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 thanh toán hợp đồng mua bán tài sản là xi măng với theo hợp đồng mua bán số 310/HĐMB-2017 ngày 01/01/2017 cho Công ty cổ phần V số tiền nợ gốc còn lại là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Về nợ lãi: Công ty cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty cổ phần V theo lãi suất chậm trả là 9%/năm (0,75%/tháng) tính từ ngày anh H, chị H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/01/2018 đến ngày 28/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 06 năm 02 tháng 27 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng) x 122.058.000 đồng = 68.566.081 đồng (sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng). Tổng cả gốc và lãi là 190.624.081 đồng (một trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2024, bị đơn anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 (là vợ chồng) đều thống nhất trình bày:

Vợ chồng anh H, chị H1 có mua xi măng của Công ty cổ phần V theo hợp đồng mua bán xi măng năm 2016 và chuyển dư nợ sang hợp đồng mua bán xi măng năm 2017 như Công ty cổ phần V đã khởi kiện là đúng và hiện tại vợ chồng anh H, chị H1 đang nợ Công ty cổ phần V tổng số tiền nợ gốc là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng). Tuy nhiên hiện tại kinh tế vợ chồng anh H, chị H1 gặp nhiều khó khăn nên chưa trả được cho Công ty cổ phần V. Anh H, chị H1 cam kết sau này có điều kiện sẽ trả hết nợ cho Công ty số tiền nợ gốc là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) và không đồng ý trả tiền lãi cho Công ty cổ phần V như Công ty đã yêu cầu.

Sau khi anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 khai, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H, chị H1 lên làm việc nhưng anh H, chị H1 đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ, không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng mua bán tài sản cho Công ty cổ phần V số tiền nợ gốc còn lại là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) và tiền nợ lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới chịu toàn bộ án phí DSST theo quy của pháp luật. Trả lại cho Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 09/10/2023, Công ty cổ phần V khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1, đều cư trú tại xóm C, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An thanh toán hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Bị đơn anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về chủ thể:* Công ty cổ phần V được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó các bên đều có quyền ký kết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc giao dịch mà mình đã ký.

[2.2] *Về hình thức và nội dung của Hợp đồng:*

Về hình thức và nội dung hợp đồng mua bán xi măng mà hai bên ký kết và thực hiện đều phù hợp với các quy định của pháp luật. Đối tượng ký kết là hợp đồng là mua bán xi măng. Vì vậy hợp đồng đã ký kết giữa các bên là hợp pháp, có hiệu lực đối với hai bên và cần được pháp luật bảo vệ.

[2.3] *Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*:

Sau khi anh H, chị H1 ký hợp đồng mua bán xi măng của Công ty cổ phần V số 349/HĐMB-2016 thì Công ty đã giao đầy đủ xi măng cho anh H, chị H1. Tuy nhiên khi hết hạn hợp đồng anh H, chị H1 vẫn chưa thanh toán hết số tiền theo hợp đồng mà còn nợ Công ty số tiền 171.172.000 đồng (một trăm bảy mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Do đó hai bên đã thỏa thuận chuyển

khoản nợ trên sang hợp đồng mua bán số 310/HĐMB-2017. Sau khi chuyển nợ sang năm 2017 thì anh H, chị H1 đã thanh toán cho công ty số tiền là 49.114.000 đồng. Còn lại là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) hạn cuối cùng anh H, chị H1 phải thanh toán là ngày 31/12/2017 nhưng anh H, chị H1 không thanh toán. Bị đơn anh H, chị H1 thừa nhận có nợ Công ty cổ phần V số tiền còn lại theo hợp đồng mua bán xi măng năm 2016 chuyển sang năm 2017 tổng số tiền là 122.058.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa thanh toán được cho Công ty cổ phần V. Vì vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V, buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hợp đồng mua bán tài sản cho Công ty cổ phần V tổng số tiền nợ gốc còn lại là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng) theo hợp đồng mua bán số 310/HĐMB-2017 ngày 01/01/2017, quy định tại các Điều 430; 434; 440 - BLDS năm 2015 như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] *Về yêu cầu lãi suất của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Hội đồng xét xử thấy rằng:

Công ty cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ trả lãi cho Công ty cổ phần V kể từ ngày anh H, chị H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 01/01/2018, tuy nhiên anh H, chị H1 không đồng ý trả lãi như nguyên đơn yêu cầu.

Xét tại mục 3.2 Điều 3 của hợp đồng mua bán số 310/HĐMB-2017 ghi "Đến ngày 31/12/2017 toàn bộ mức dư nợ bên B phải thanh toán đủ cho bên A". Như vậy kể từ ngày 01/01/2018, anh H, chị H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hợp đồng mua bán tài sản cho Công ty cổ phần V. Do đó có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần V. Buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi do chậm thanh toán.

Về mức lãi suất: Công ty cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị H1 trả lãi theo mức lãi suất là 9%/năm (0,75%/tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận, cụ thể:

Lãi suất tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 28/3/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) là 06 năm 02 tháng 27 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng) x 122.058.000 đồng = 68.566.081 đồng (sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng). Tổng cả gốc và lãi là 190.624.081 đồng (một trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng) theo quy định tại Điều 440 và Điều 357 của BLDS 2015 là phù hợp.

[3] Án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí toàn bộ án phí theo luật định. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280; 288; 430; 434; 440; 357 và Điều 468 - BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 37 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 13 Nghị quyết

số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần V.

Buộc bị đơn anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 (là vợ chồng) phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán Hợp đồng mua bán xi măng số 310/HĐMB-2017 ngày 01/01/2017 cho Công ty cổ phần V tổng số tiền nợ gốc và lãi là 190.624.081 đồng (một trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng), trong đó nợ gốc là 122.058.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng), nợ lãi là 68.566.081 đồng (sáu mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, không trăm tám mươi mốt đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc anh Bùi Hoàng H và chị Hoàng Thị H1 (là vợ chồng) phải có nghĩa vụ liên đới chịu 9.531.204 đồng (chín triệu, năm trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm linh bốn đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 3.051.450 đồng (ba triệu, không trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008899 ngày 09/10/2023 và số tiền tạm ứng án phí 1.600.000 đồng (một triệu, sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006782 ngày 04/12/2023, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên